

NĂM HỌC 2018-2019

BIÊN BẢN

THÔNG NHẤT CHẤM THI MÔN.....*Địa*.....

I. HỌP BAN CHẤM THI

Thời gian: *14h*

Địa điểm: *THCS Lê Quý Đôn*

Thành phần: *8 GV.*

+ Có mặt: *đủ*

+ Vắng mặt: *0*

Nội dung

- Thống nhất biên' điểm chấm'.

- Thảo luận phương' án trình bày của HS.

- Cụ thể' :

Câu I.

- Dự' theo hướng dẫn chấm'.

Câu II.

- Theo đúng hướng dẫn chấm'.

Câu III.

- Phân vẽ' biển' đồ: Nếu HS vẽ' biển' đồ' cột ch'ng' + đ'ng' đ'ng' 1,0 đ'

- Các ý' khác theo hướng dẫn chấm'.

Câu IV.

- Theo hướng dẫn chấm'.

Ban chấm' thi: *Đt Đặng Thị Hải*
Huyền Nghiêm Thị Huyền *M Nguyễn Thị Thảo*
N Phạm Thị Bích Ngọc *Đt Đặng Thị Ngọc*
S Nguyễn Thị Quỳnh *Đt Phạm Thị Thủy Hoa*
Ug Hoàng Lan Hương



ĐỀ CHÍNH THỨC

Câu I: (2,0 điểm)

1. Trình bày và giải thích tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của khí hậu nước ta.
2. Giải thích vì sao miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có chế độ nhiệt ít biến động và không có mùa đông lạnh giá như hai miền phía bắc?

Câu II (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, em hãy:

1. Trình bày đặc điểm phân bố dân cư của Đồng bằng sông Hồng.
2. Giải thích tại sao Đồng bằng sông Hồng có sự tập trung đông dân cư nhất cả nước?

Câu III: (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO HOẠT ĐỘNG
KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG GIAI ĐOẠN 2000 – 2014**

Năm		2000	2005	2007	2014
Tổng sản lượng (nghìn tấn)		2250,9	3466,8	4199,1	6333,2
Trong đó	- Khai thác (nghìn tấn)	1660,9	1987,9	2074,5	2920,4
	- Nuôi trồng (nghìn tấn)	590,0	1478,9	2124,6	3412,8
Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng (%)		26,2	42,7	50,6	53,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

1. Vẽ biểu đồ thích hợp so sánh sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng và tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta giai đoạn 2000 - 2014.
2. Nhận xét sự thay đổi của tỉ trọng thủy sản nuôi trồng qua các năm trên và giải thích.

Câu IV: (3,0 điểm)

1. Thế nào là ngành công nghiệp trọng điểm?
2. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta.

..... **HẾT**.....

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam để làm bài.
- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

Họ tên học sinh: Số báo danh:

Chữ kí giám thị 1:



ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn: ĐỊA LÍ

Hướng dẫn chấm gồm 02 trang

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

- 1) Cán bộ chấm thi chấm đúng như đáp án, thang điểm của Hội đồng chấm thi.
- 2) Trong quá trình chấm, cần chú ý đến lí giải, lập luận của thí sinh; nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT

Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm	
I 2,00 điểm	1	Trình bày biểu hiện tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của khí hậu nước ta và giải thích. - Tính chất nhiệt đới: Bình quân 1 m ² nhận trên 1 triệu kcal; số giờ nắng 1400 - 3000 giờ trong một năm; nhiệt độ trung bình năm > 21 ⁰ C Do: Vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc - Tính chất gió mùa: Chia thành hai mùa rõ rệt phù hợp với hai mùa gió: Mùa đông lạnh khô với gió mùa Đông Bắc, mùa hạ nóng ẩm với gió mùa Tây Nam Do: Nằm trong vùng hoạt động của gió mùa Châu Á - Tính chất ẩm: Lượng mưa lớn 1500 – 2000 mm; độ ẩm không khí cao > 80% Do: Vị trí ven biển, tác động của gió mùa, ...	1,50 0,25 0,25 0,25 0,25	
	2	Giải thích vì sao miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có chế độ nhiệt ít biến động và không có mùa đông lạnh giá như hai miền phía bắc? - Gần xích đạo, quanh năm có góc chiếu sáng lớn, thời gian chiếu sáng dài, lượng nhiệt nhận được nhiều. - Tác động của gió mùa đông bắc đã giảm sút mạnh mẽ. Gió Tín phong đông bắc khô nóng và gió mùa tây nam nóng ẩm đóng vai trò chủ yếu	0,50 0,25 0,25	
	II 2,00 điểm	1	Trình bày đặc điểm phân bố dân cư của Đồng bằng sông Hồng. - Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước (DC) - Dân cư của Đồng bằng sông Hồng phân bố không đồng đều: + Mật độ dân số rất cao > 2000 người/km ² : Hà Nội, Trung tâm Hải Phòng, TP Thái Bình ... + Mật độ dân số từ 1001- 2000 người/km ² : Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, ... + Mật độ dân số từ 501- 1000 người / km ² : Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Hà Nam, ...	0,25 0,25 0,25 0,25
		2	Giải thích tại sao Đồng bằng sông Hồng có sự tập trung đông dân cư nhất cả nước? - Đồng bằng sông Hồng có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc cư trú, sinh hoạt: đất đai, khí hậu, nguồn nước, ... - Có lịch sử khai thác lãnh thổ từ lâu đời, nghề truyền thống làm lúa nước cần nhiều lao động; - Điều kiện kinh tế, xã hội, mức độ phát triển kinh tế cao đã thu hút người dân và lực lượng lao động	0,25 0,25 0,25



Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm
III 3,00 Điểm	1	Vẽ biểu đồ: - Biểu đồ kết hợp cột ghép và đường (các dạng biểu đồ khác không cho điểm phần vẽ); - Yêu cầu chính xác đơn vị đo các trục, khoảng cách năm trên trục hoành, có kí hiệu và chú giải rõ ràng, ghi số liệu, có tên biểu đồ	1,50
	2	Nhận xét sự thay đổi của tỉ trọng thủy sản nuôi trồng qua các năm trên và giải thích. * Nhận xét: - Từ năm 2000 đến 2014 tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tổng sản lượng thủy sản nước ta tăng liên tục (DC). Tăng nhanh trong giai đoạn 2000 - 2007; tăng chậm lại từ 2007 → 2014... - Từ chỗ chiếm tỉ trọng thấp, đứng thứ 2 trong cơ cấu (giai đoạn 2000 – 2005); đã vươn lên vượt tỉ trọng sản lượng khai thác kể từ sau 2007 cho đến 2014... * Giải thích: - Do tốc độ tăng của sản lượng thủy sản nuôi trồng nhanh hơn so với khai thác (<i>dẫn chứng: năm 2014 so với 2000; SLNT tăng 5,8 lần; SLKT tăng 1,8 lần</i>) → <i>tỉ trọng TSNT tăng</i> - Do nguồn lợi thủy sản ven bờ cạn kiệt, khả năng khai thác thủy sản xa bờ gặp khó khăn - Do chính sách ưu tiên đẩy mạnh phát triển thủy sản nuôi trồng, dựa trên những lợi thế về điều kiện tự nhiên, CSVC, thị trường ...	1,50 0,25 0,25 0,50 0,25 0,25
	1	Ngành công nghiệp trọng điểm là ngành chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu sản xuất công nghiệp, có thế mạnh lâu dài, mang lại hiệu quả kinh tế cao và tác động mạnh tới các ngành kinh tế khác.	0,75
	2	Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm vì: - Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (<i>Năm 2007: 23,7%</i>). Phát triển dựa trên thế mạnh lâu dài: - Tài nguyên đất, nước, khí hậu, sinh vật thuận lợi cho phát triển của nông, lâm, ngư nghiệp cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào cho ngành chế biến lương thực, thực phẩm. - Nguồn lao động: đông đảo, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất. - CSVC được hoàn thiện, thị trường rộng. Hiệu quả kinh tế: - Giá trị sản xuất tăng liên tục (từ 49,4 nghìn tỉ đồng, năm 2000 lên 135,2 nghìn tỉ đồng, năm 2007, tăng 85,8 nghìn tỉ đồng). - Tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ lực (gạo, hạt điều, cà phê, chè, hải sản, ...) - Tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống Tác động tới các ngành kinh tế khác: Thúc đẩy sự phát triển của ngành nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp cơ khí, thương mại, ...	2,25 0,25 0,75 0,75 0,5
	TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI, 4 CÂU =		